ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 250/BNG-LPQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Bê-la-rút về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông, ký ngày 08 tháng 12 năm 2023 tại Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 01 năm 2025.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi Quý Cơ quan bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Phú

HIỆP ĐỊNH
giữa
Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
và
Chính phủ nước Cộng hòa Bê-la-rút
về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Bê-la-rút, sau đây gọi là "Các Bên",

Mong muốn cải thiện và tăng cường mối quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Bê-la-rút,

Với mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại lẫn nhau của công dân hai nước như một công cụ quan trọng để làm sâu sắc thêm mối quan hệ và tăng cường phát triển trong mọi lĩnh vực mà hai nước cùng quan tâm,

Đã đồng ý với những điều sau:

Điều 1

Công dân một Bên mang hộ chiếu phổ thông còn giá trị được nhập cảnh, cư trú, xuất cảnh và quá cảnh lãnh thổ nước Bên kia mà không cần thị thực, với điều kiện thời gian lưu trú của họ không quá 30 (ba mươi) ngày tính từ ngày nhập cảnh. Tổng thời gian lưu trú trên lãnh thổ nước Bên kia không được vượt quá 90 (chín mươi) ngày trong một năm dương lịch.

Điều 2

Công dân một Bên có ý định lưu trú trên lãnh thổ nước Bên kia trong thời gian hơn 30 (ba mươi) ngày liên tục, bất kể mục đích của chuyến đi, phải xin thị thực phù hợp trước khi nhập cảnh lãnh thổ nước Bên kia.

Điều 3

Công dân một Bên mang hộ chiếu phổ thông hợp lệ phải nhập cảnh, xuất cảnh và quá cảnh lãnh thổ nước Bên kia thông qua các cửa khẩu dành cho giao lưu quốc tế, phù hợp với luật pháp của nước Bên kia.

Điều 4

Công dân một Bên khi nhập cảnh và trong thời gian lưu trú trên lãnh thổ của nước Bên kia phải tuân thủ pháp luật và quy định hiện hành của nước Bên kia, bao gồm các quy định về vệ sinh.

Điều 5

Mỗi Bên có quyền từ chối nhập cảnh hoặc rút ngắn thời gian lưu trú của công dân nước Bên kia trong lãnh thổ của mình vì lý do an ninh quốc gia, trật tự công cộng hoặc sức khỏe cộng đồng.

Điều 6

1. Công dân một Bên mà không thể xuất cảnh lãnh thổ nước Bên kia trong khoảng thời gian quy định tại Điều 1 của Hiệp định này do hoàn cảnh đặc biệt (như bệnh tật, thiên tai hoặc các trường hợp khác) và có giấy tờ chứng minh hoặc bằng chứng khác về những trường hợp đó thì phải làm thủ tục gia hạn cư trú phù hợp với pháp luật và quy định của nước sở tại.

2. Công dân một Bên bị mất hộ chiếu phổ thông trên lãnh thổ nước Bên kia phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền của Nước đó.

3. Đối với những người được đề cập tại khoản 2 của Điều này, cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của nước mà họ mang quốc tịch sẽ cấp giấy tờ hợp lệ để xuất cảnh lãnh thổ nước sở tại.

Điều 7

1. Các Bên sẽ trao đổi mẫu hộ chiếu phổ thông thông qua đường ngoại giao không muộn hơn 30 (ba mươi) ngày sau ngày ký Hiệp định này.

2. Mỗi Bên sẽ thông báo cho Bên kia thông qua đường ngoại giao về bất kỳ thay đổi nào đối với mẫu hộ chiếu phổ thông và sẽ giới thiệu mẫu đó 30 (ba mươi) ngày trước khi bắt đầu lưu hành.

Điều 8

Mọi tranh chấp phát sinh giữa các Bên do việc giải thích hoặc thực hiện Hiệp định này sẽ được các Bên giải quyết thông qua tham vấn và đàm phán.

Điều 9

1. Mỗi Bên có thể đình chỉ toàn bộ hoặc một phần việc áp dụng Hiệp định này vì lý do an ninh quốc gia, trật tự công cộng hoặc sức khỏe cộng đồng hoặc trong trường hợp dịch bệnh, thiên tai, tai nạn công nghệ và các tình huống khẩn cấp khác.

2. Mỗi Bên phải thông báo cho Bên kia thông qua đường ngoại giao về quyết định được đưa ra phù hợp với khoản 1 Điều này một cách kịp thời.

3. Theo cách tương tự, mỗi Bên phải thông báo cho Bên kia về việc áp dụng trở lại Hiệp định này.

Điều 10

1. Hiệp định có hiệu lực vô thời hạn và sẽ bắt đầu có hiệu lực sau 30 (ba mươi) ngày sau ngày nhận được thông báo bằng văn bản cuối cùng qua đường ngoại giao, trong đó các Bên xác nhận đã hoàn thành các thủ tục pháp lý nội bộ cần thiết để Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định này có thể được sửa đổi hoặc bổ sung bằng đồng thuận bằng văn bản của các Bên. Việc sửa đổi hoặc bổ sung đó sẽ có hiệu lực theo khoản 1 của Điều này.

3. Mỗi Bên có thể chấm dứt Hiệp định này bất kỳ lúc nào bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên kia thông qua đường ngoại giao. Thỏa thuận sẽ chấm dứt sau 90 (chín mươi) ngày sau khi Bên kia nhận được thông báo đó.

Làm tại Hà Nội, ngày 08/12/2023 thành hai bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Nga và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt trong việc giải thích các điều khoản của Hiệp định này, văn bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

Thay mặt Chính phủ **nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**	**Thay mặt Chính phủ** **nước Cộng hòa Bê-la-rút**
Bà LÊ THỊ THU HẰNG Thứ trưởng Bộ Ngoại giao	Ông EVGENY SHESTAKOV Thứ trưởng Bộ Ngoại giao

СОГЛАШЕНИЕ

между

Правительством Социалистической Республики Вьетнам

и

Правительством Республики Беларусь

об отмене виз для владельцев национальных паспортов

Правительство Социалистической Республики Вьетнам и Правительство Республики Беларусь, в дальнейшем именуемые «Сторонами»,

желая развивать и углублять отношения дружбы и сотрудничества между Социалистической Республики Вьетнам и Республикой Беларусь,

рассматривая упрощение взаимных поездок граждан двух государств в качестве важного инструмента углубления связей и стимулирования дальнейшего развития двусторонних отношений во всех сферах,

договорились о нижеследующем:

Статья 1

Граждане государства одной Стороны – владельцы действительных национальных паспортов могут въезжать, выезжать, пребывать, и следовать транзитом по территории государства другой Стороны без виз при условии, что продолжительность их пребывания не превышает 30 (тридцать) дней с даты въезда. При этом общая продолжительность пребывания не должна превышать 90 (девяносто) дней в календарном году.

Статья 2

Граждане государства одной Стороны, намеревающиеся находиться непрерывно на территории государства другой Стороны в течение периода свыше 30 (тридцати) дней, до въезда на территорию государства другой Стороны вне зависимости от целей поездки должны получить визы в порядке, предусмотренном национальным законодательством.

Статья 3

Граждане государства одной Стороны – владельцы действительных национальных паспортов должны въезжать, выезжать и следовать транзитом по территории государства другой Стороны через пункты пропуска, предназначенные для международного пассажирского сообщения, в соответствии с национальным законодательством государства другой Стороны.

Статья 4

Граждане государства одной Стороны во время их въезда и пребывания на территории государства другой Стороны должны соблюдать действующие законы и правила государства другой Стороны, включая санитарные правила.

Статья 5

Каждая Сторона сохраняет за собой право отказать во въезде или сократить срок пребывания граждан государства другой Стороны на территории своего государства в интересах национальной безопасности, общественного порядка или здоровья населения.

Статья 6

1. Граждане государства одной Стороны, которые не могут покинуть территорию государства другой Стороны в течение времени, указанного в статье 1 настоящего Соглашения, вследствие непредвиденных обстоятельств (например, болезни, стихийного бедствия или иного) и имеют документальное или иное подтверждение таких обстоятельств, обязаны продлить срок своего пребывания в соответствии с законами и правилами государства

принимающей Стороны.

2. Граждане государства одной Стороны в случае утери своих национальных паспортов на территории государства другой Стороны будут незамедлительно уведомлять об этом компетентные органы государства принимающей Стороны.

3. Для лиц, указанных в пункте 2 настоящей статьи, дипломатическая миссия или консульское учреждение государства гражданства этих лиц выдает проездной документ для их выезда с территории государства принимающей Стороны.

Статья 7

1. Стороны должны обменяться по дипломатическим каналам образцами национальных паспортов не позднее 30 (тридцати) дней с даты подписания настоящего Соглашения.

2. Каждая Сторона должна уведомить другую Сторону по дипломатическим каналам о любых изменениях в национальных паспортах и препроводить образцы таких документов за 30 (тридцать) дней до их введения в обращение.

Статья 8

Любые разногласия, возникающие при применении либо толковании положений настоящего Соглашения, разрешаются Сторонами путем консультаций или переговоров.

Статья 9

1. Каждая Сторона может полностью или частично приостановить действие настоящего Соглашения в интересах обеспечения национальной безопасности, общественного порядка, здоровья населения или в случае возникновения эпидемий, стихийных бедствий, технологических аварий и иных подобных экстренных ситуаций.

2. Каждая Сторона своевременно уведомляет по дипломатическим каналам другую Сторону о решении, принятом в соответствии с пунктом 1 настоящей статьи.

3. В аналогичном порядке каждая из Сторон должна информировать другую Сторону о возобновлении действия настоящего Соглашения.

Статья 10

1. Настоящее Соглашение заключено на неопределенный период времени и вступает в силу через 30 (тридцать) дней со дня получения по дипломатическим каналам последнего письменного уведомления
о выполнении Сторонами внутригосударственных процедур, необходимых для его вступления в силу.

2. Настоящее Соглашение может быть изменено или дополнено по взаимному письменному согласию Сторон. Такие дополнения или изменения вступают в силу в порядке, предусмотренном в пункте 1 настоящей статьи.

3. Каждая из Сторон может в любое время прекратить действие настоящего Соглашения путем письменного уведомления по дипломатическим каналам другой Стороны. Настоящее Соглашение прекращает свое действие через 90 (девяносто) дней с даты получения такого уведомления.

Совершено в городе Ханое 8 декабря 2023 года в двух экземплярах, каждый на вьетнамском, русском и английском языках, причем все тексты являются аутентичными. В случае расхождений в толковании положений настоящего Соглашения преимущество имеет текст на английском языке.

За Правительство Социалистической Республики Вьетнам	**За Правительство еспублики Беларусь**

AGREEMENT

between

the Government of the Socialist Republic of Viet Nam

and

the Government of the Republic of Belarus

on visa exemption for holders of ordinary passports

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Belarus, hereinafter, "the Parties",

Desiring to improve and strengthen the relations of friendship and cooperation between the Socialist Republic of Viet Nam and the Republic of Belarus,

With the aim of facilitating mutual travel by citizens of the two States as an important tool to deepen ties and support development in all areas of bilateral interest,

Have agreed to the following:

Article 1

Nationals of the State of a Party, holders of valid ordinary passports, shall enter, stay, leave and transit the territory of the State of the other Party without a visa, provided that the duration of their stay does not exceed 30 (thirty) days, counted from the date of entry. The total period of stay within the territory of the State of the other Party must not exceed 90 (ninety) days within a calendar year.

Article 2

Nationals of the State of one Party, who intend to stay in the territory of the State of the other Party for an uninterrupted period of more than 30

(thirty) days, regardless of the purpose of the trip, must obtain appropriate visa in advance before entering the territory of the State of the other Party.

Article 3

Nationals of the State of a Party holding valid ordinary passports shall enter, exit and transit the territory of the State of the other Party, through border control posts designated for traffic of international passengers, in accordance with the national legislation of the State of the other Party.

Article 4

Nationals of the State of one Party, for their entry and during their stay in the territory of the State of the other Party, must comply with the laws and regulations in force of the State of the other Party, including sanitary regulations.

Article 5

Each Party reserves the right to deny the entry or shorten the stay within its territory of nationals of the State of the other Party, for reasons of national security, public order or public health.

Article 6

1. Nationals of the State of a Party, who are unable to leave the territory of the State of the other Party within the period specified in Article 1 of this Agreement, due to exceptional circumstances (such as illness, natural disaster or others) and have documented or other evidence of such circumstances, are required to extend their stay in accordance with the laws and regulations of the State of the host Party.

2. Nationals of the State of one Party, who have lost their ordinary passports in the territory of the State of the other Party, will immediately inform the competent authorities of that State.

3. For the persons referred to in Paragraph 2 of this Article, the diplomatic mission or consular post of the State of the Party of which

they are nationals, will issue valid travel document for their exit from the territory of the host State.

Article 7

1. The Parties shall exchange, through diplomatic channels, samples of ordinary passport no later than 30 (thirty) days after the date of signing of this Agreement.

2. Each Party will notify the other Party, through diplomatic channels, of any amendment to the ordinary passport and will present its sample 30 (thirty) days before the start of their circulation.

Article 8

Any dispute that arises between the Parties due to the interpretation or implementation of this Agreement will be resolved by the Parties through consultations and negotiations.

Article 9

1. Either Party may totally or partially suspend the application of this Agreement for reasons of national security, public order or public health, or in case of epidemics, natural disasters, technological accidents and other emergency situations.

2. The Party shall notify the other Party, through diplomatic channels, of the decision made in accordance with Paragraph 1 of this Article in due time.

3. In the same manner, the Party will inform the other Party about the resumption of the application of this Agreement.

Article 10

1. The Agreement is concluded for an indefinite period and shall enter into force 30 (thirty) days after the date of the last written notification received through diplomatic channels, by which the Parties confirm

the completion of the internal legal procedures necessary for the entry into force of this Agreement.

2. This Agreement may be amended or revised by mutual written consent of the Parties. Such amendment or revision shall enter into force in accordance with Paragraph 1 of this Article.

3. Each Party may terminate this Agreement at any time by written notification to the other Party, through the diplomatic channels. The Agreement will terminate 90 (ninety) days after the other Party receives such notice.

Done at Ha Noi, on 08 December 2023 in two originals, each in Vietnamese, Russian and English languages, all texts equally authentic. In case of discrepancies in the interpretation of the provisions of this Agreement, the English text shall prevail.

For the Government of the Socialist Republic of Viet Nam	**For the Government of the Republic of Belarus**
Ms. LE THI THU HANG	Mr. EVGENY SHESTAKOV
Deputy Minister of Foreign Affairs	Deputy Minister of Foreign Affairs

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng